

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét**

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-33
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2011
Ông Phạm Đức Chính	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2011
Ông Phạm Khắc Tập	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/02/2011
Ông Phạm Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/04/2011

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Hiếu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/04/2011
Bà Nghiêm Thị Bốn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06/04/2011
Ông Hà Hồng Ninh	Thành viên	
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đặng Thị Thường

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 28 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		145.813.681.342	145.009.130.577
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.456.918.635	17.361.132.318
111	1. Tiền		4.440.503.625	15.361.132.318
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.016.415.010	2.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	19.615.354.557	9.943.737.079
121	1. Đầu tư ngắn hạn		19.615.354.557	9.943.737.079
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.546.868.527	20.815.592.075
131	1. Phải thu của khách hàng		6.249.786.851	3.239.752.531
132	2. Trả trước cho người bán	5	8.117.430.260	5.641.098.500
135	5. Các khoản phải thu khác	6	10.179.651.416	11.934.741.044
140	IV. Hàng tồn kho	7	85.404.111.543	80.176.767.421
141	1. Hàng tồn kho		85.404.111.543	80.176.767.421
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.790.428.080	16.711.901.684
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.205.803.915	133.954.094
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.086.066.959	9.057.504.516
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	7.498.557.206	7.520.443.074
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		141.998.732.219	130.779.491.847
220	II. Tài sản cố định		54.463.633.991	46.933.591.685
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.543.918.114	13.998.313.985
222	- Nguyên giá		23.933.648.347	23.606.491.291
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.389.730.233)	(9.608.177.306)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	656.560.849	806.533.591
228	- Nguyên giá		2.856.471.000	2.856.471.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.199.910.151)	(2.049.937.409)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	40.263.155.028	32.128.744.109
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	85.080.300.437	81.446.474.584
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		66.789.094.307	63.155.268.454
258	3. Đầu tư dài hạn khác		22.759.000.000	22.759.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.467.793.870)	(4.467.793.870)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.454.797.791	2.399.425.578
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.359.499.182	1.086.048.838
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.095.298.609	1.313.376.740
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		287.812.413.561	275.788.622.424

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		103.685.074.831	89.006.222.864
310	I. Nợ ngắn hạn		65.608.070.307	50.298.894.608
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	15.921.559.950	-
312	2. Phải trả người bán		8.635.744.357	10.753.814.384
313	3. Người mua trả tiền trước	15	10.093.920.664	7.112.197.344
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.407.562.684	1.766.895.311
315	5. Phải trả người lao động		1.105.037.868	3.888.385.319
316	6. Chi phí phải trả		45.783.500	296.040.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	21.223.821.317	22.768.724.288
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.015.079.215	2.030.465.942
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.159.560.752	1.682.372.020
330	II. Nợ dài hạn		38.077.004.524	38.707.328.256
333	3. Phải trả dài hạn khác		28.971.067.093	35.387.728.396
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	6.000.000.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		53.377.100	58.800.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		3.052.560.331	3.260.799.860
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		184.127.338.730	186.782.399.560
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	183.828.080.758	186.517.668.352
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		109.198.890.000	109.198.890.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.682.000)	(1.682.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	432.368.648
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.499.276.936	25.757.864.412
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		12.003.232.375	8.842.290.692
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.128.363.447	42.287.936.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		299.257.972	264.731.208
432	1. Nguồn kinh phí	20	66.952.294	180.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		232.305.678	264.551.208
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		287.812.413.561	275.788.622.424

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		13.874,86	35.497,23
- Đồng Nhân dân tệ		641,66	641,66
- Đồng Yên nhật (JPY)		2.830.382,00	7.200.313,00

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	30.135.712.324	11.203.442.322
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.218.861.527	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	28.916.850.797	11.203.442.322
11	4. Giá vốn hàng bán	24	21.577.717.948	5.863.438.979
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.339.132.849	5.340.003.343
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.567.642.387	8.155.078.382
22	7. Chi phí tài chính		-	3.921.906.705
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	1.491.000.000
24	8. Chi phí bán hàng		592.272.726	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.622.737.718	2.279.451.612
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		2.691.764.792	7.293.723.408
31	11. Thu nhập khác		42.181.652	66.665.464
32	12. Chi phí khác		18.135.120	-
40	13. Lợi nhuận khác		24.046.532	66.665.464
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.715.811.324	7.360.388.872
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	679.640.331	1.840.097.218
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.036.170.993	5.520.291.654
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	186	607

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởngĐặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.715.811.324	7.360.388.872
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.051.349.340	1.107.777.021
03	Các khoản dự phòng		-	2.430.906.705
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.567.642.387)	(8.155.078.382)
06	Chi phí lãi vay		-	1.491.000.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.199.518.277	4.234.994.216
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		3.262.046.973	(20.260.576.611)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.227.344.122)	(65.836.404.133)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.900.834.222)	2.292.732.690
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.345.300.165)	(3.296.416.462)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.269.653.668)	(1.385.326.698)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.371.206.157)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		880.910.000	2.103.280.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.313.749.365)	(6.133.531.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.714.406.292)	(89.652.454.355)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.595.870.513)	(19.463.369.073)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.903.897.105)	(1.250.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.454.583.743	113.269.698.800
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.633.825.853)	(6.400.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	700.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.567.642.387	8.155.078.382
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.111.367.341)	95.011.408.109
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		34.921.559.950	75.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.000.000.000)	(75.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.921.559.950	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11.904.213.683)	5.358.953.754
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.361.132.318	15.441.541.887
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.456.918.635</u>	<u>20.800.495.641</u>

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 109.198.890.000 VND. Tương đương 10.919.889 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	Quản lý Dự án
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc thiết bị
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Trung tâm du lịch	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ du lịch

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Tỉnh Gia Lai	Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh phần mềm, tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực CNTT
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fansipan	Tỉnh Yên Bái	Khai thác và sản xuất sản phẩm từ đá
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Tỉnh Hòa Bình	Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tập đoàn Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn dự học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh thu gom, tái chế và xuất khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, nhựa, kim loại;
- Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, nhựa đã qua sử dụng, thạch cao phế phẩm, sắt thép phế liệu, đồng nát;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Sản xuất và mua bán mũ bảo hiểm;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Thiết kế mẫu quảng cáo và thi công các hạng mục quảng cáo;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dạy nghề (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo cao đẳng (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Đối với hoạt động xây lắp, chi phí sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng được nghiệm thu trong kỳ (Chủ đầu tư xác nhận)}$$

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền	4.440.503.625	15.361.132.318
- Tiền mặt	2.096.401.257	2.590.969.328
- Tiền gửi ngân hàng	2.344.102.368	12.770.162.990
Các khoản tương đương tiền	1.016.415.010	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.016.415.010	2.000.000.000
	5.456.918.635	17.361.132.318

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cho Tập đoàn Sông Đà vay	94.162.236	1.352.865.900
Cho Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển vay	4.113.565.751	3.936.287.436
Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa vay	14.813.872.470	4.000.000.000
Cho Công ty TNHH Simco Sông Đà vay	593.754.100	500.000.000
Ủy thác quản lý vốn bằng tiền - Công ty Tài chính CP Sông Đà	-	154.583.743
	19.615.354.557	9.943.737.079

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ứng trước khối lượng công trình	7.110.333.684	5.091.369.000
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	274.911.000	748.030.900
- Dự án Đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	6.535.422.684	4.043.338.100
- Dự án Khu công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	300.000.000	300.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	1.007.096.576	549.729.500
	8.117.430.260	5.641.098.500

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền đầu tư, lãi tiền cho vay, lãi ủy thác quản lý vốn	-	1.736.435.300
Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ	8.500.000.000	8.500.000.000
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án tại Myanmar	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu khác	179.651.416	198.305.744
	10.179.651.416	11.934.741.044

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

7 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.400.715.187	966.765.674
Công cụ, dụng cụ	61.397.562	58.618.115
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	83.924.459.235	67.177.699.181
Thành phẩm	17.539.559	17.539.559
Hàng hoá	-	11.808.336.766
Hàng gửi đi bán	-	147.808.126
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u><u>85.404.111.543</u></u>	<u><u>80.176.767.421</u></u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	7.498.557.206	7.520.443.074
	<u><u>7.498.557.206</u></u>	<u><u>7.520.443.074</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Lợi thế doanh nghiệp	Hệ thống Website, phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	2.726.811.000	129.660.000	2.856.471.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.726.811.000	129.660.000	2.856.471.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	1.965.576.265	84.361.144	2.049.937.409
Số tăng trong kỳ	136.340.550	13.632.192	149.972.742
- Trích khấu hao	136.340.550	13.632.192	149.972.742
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.101.916.815	97.993.336	2.199.910.151
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu kỳ	761.234.735	45.298.856	806.533.591
Cuối kỳ	624.894.185	31.666.664	656.560.849

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	40.137.003.033	104.142.187.261
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	32.960.552.015	26.526.312.472
- Dự án Khu Công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	2.292.423.415	2.282.239.506
- Dự án Lào Cai - Yên Bái	13.895.454	13.895.454
- Dự án mở rộng thị trường Canada	950.863.962	859.908.962
- Dự án khai thác mỏ Myanmar	3.011.558.136	2.320.235.720
- Dự án khai thác cát trắng	44.913.091	-
- Dự án logistics Kim Thành - Lào Cai	211.532.397	-
- Chi phí đầu tư nghiên cứu triển khai các dự án	651.264.563	-
Mua sắm tài sản cố định	101.547.286	101.547.286
- Máy móc, thiết bị Trường Cao đẳng nghề	101.547.286	101.547.286
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.604.709	24.604.709
- Cải tạo nhà để xe, xưởng thực hành Trường Cao đẳng nghề	24.604.709	24.604.709
	40.263.155.028	32.128.744.109

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	66.789.094.307	63.155.268.454
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	22.678.250.000	22.000.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	23.970.000.000	23.970.000.000
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	890.844.307	890.844.307
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	2.900.000.000	2.900.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	15.200.000.000	12.244.424.147
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	1.150.000.000	1.150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	22.759.000.000	22.759.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.467.793.870)	(4.467.793.870)
	85.080.300.437	81.446.474.584

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp cam kết	Tỷ lệ thực góp (2)	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 30/06/2011
Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	29,26%	29,26%	27,17%	22.678.250.000
- <i>Vốn góp của Công ty</i>	27,17%	27,17%		21.058.250.000
- <i>Vốn nhận ủy thác ⁽¹⁾</i>	2,09%	2,09%		1.620.000.000
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	42,80%	42,80%	32,53%	23.970.000.000
- <i>Vốn góp của Công ty</i>	32,53%	32,53%		18.220.000.000
- <i>Vốn nhận ủy thác ⁽¹⁾</i>	10,27%	10,27%		5.750.000.000
Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	20,97%	20,97%	20,97%	890.844.307
Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	35,00%	35,83%	35,83%	2.900.000.000
Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	45,00%	25,33%	25,33%	15.200.000.000
Công ty TNHH Simco Sông Đà	38,33%	38,33%	38,33%	1.150.000.000

(1) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

(2) Tỷ lệ vốn thực góp được xác định trên cơ sở số vốn đã góp của Công ty trên tổng số vốn đã góp của các bên được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của công ty tiếp nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Góp vốn thành lập công ty	2.600.000.000	2.600.000.000
- Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	500.000.000
Ủy thác đầu tư qua Tập đoàn Sông Đà	5.159.000.000	5.159.000.000
- Công ty CP Sắt Thạch Khê	759.000.000	759.000.000
- Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	1.100.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn của Công ty	12.505.000.000	12.505.000.000
- Vốn nhận ủy thác	2.495.000.000	2.495.000.000
	22.759.000.000	22.759.000.000

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.060.190.367	1.086.048.838
Chi phí trả trước dài hạn khác	299.308.815	-
	1.359.499.182	1.086.048.838

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.921.559.950	-
- Vay ngân hàng	6.221.559.950	-
- Vay tổ chức khác	9.700.000.000	-
	15.921.559.950	-

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung ⁽¹⁾	6.221.559.950	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà ⁽²⁾	9.700.000.000	-
	15.921.559.950	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

- (1) Hợp đồng tín dụng số 0803/2011/HĐTD ngày 08/03/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 8,0 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn lưu động thực hiện thi công Giai đoạn 1 công trình Đường bao phía tây, kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị hai bên đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh;
 - + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 18,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 00200006/20/11/NH ngày 27/06/2011, với các điều khoản chi tiết
- + Số tiền vay: 9,7 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: thanh toán tiền khối lượng xây lắp hoàn thành dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội;
 - + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lợi tức ủy thác quản lý vốn của SDFC kỳ hạn 12 tháng trả sau + tối thiểu 8%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng.

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền chi phí Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	5.321.183.844	5.321.183.844
Tiền chi phí các công trình nhận thầu xây lắp	3.928.702.750	1.705.645.500
Tiền ứng trước các hợp đồng du lịch	812.534.070	50.868.000
Tiền ứng trước các hoạt động khác	31.500.000	34.500.000
	<u>10.093.920.664</u>	<u>7.112.197.344</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	312.945.455
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.368.175.256	1.272.909.716
Thuế Thu nhập cá nhân	39.387.428	181.040.140
	<u>2.407.562.684</u>	<u>1.766.895.311</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	438.314.979	212.436.137
Bảo hiểm xã hội	138.133.180	55.849.112
Bảo hiểm y tế	33.229.708	10.406.076
Bảo hiểm thất nghiệp	13.374.368	5.428.966
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	873.244.695	873.244.695
Phải trả đối tác nước ngoài về xuất khẩu lao động	5.715.965.032	5.715.965.032
Phải trả tiền nhân công thuê ngoài phục vụ thi công	907.908.000	2.574.377.000
Phải trả tiền vốn nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	9.865.000.000	9.865.000.000
Phải trả tiền lãi nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	4.850.600	297.864.000
Phải trả tiền xuất cảnh của lao động xuất khẩu	283.901.932	868.031.132
Phải trả tiền đặt cọc hoàn thiện mua nhà của khách hàng Dự án Vạn Phúc	1.296.930.000	1.288.630.000
Phải trả, phải nộp khác	1.652.968.823	1.001.492.138
	21.223.821.317	22.768.724.288

18 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	6.000.000.000	-
- Vay ngân hàng	6.000.000.000	-
	6.000.000.000	-

Chi tiết vay dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung ⁽¹⁾	6.000.000.000	-
	6.000.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 2604/2011/HĐTD ngày 26/04/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 18,0 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư xây dựng công trình Nhà văn phòng dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội;
- + Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 20%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	109.198.890.000	90.999.890.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>109.198.890.000</i>	<i>90.999.890.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>109.198.890.000</i>	<i>90.999.890.000</i>

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 20% vốn điều lệ, mỗi cổ đông sở hữu 10 cổ phần thì được nhận 02 cổ phiếu mới) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập phương án, lựa chọn thời điểm và triển khai việc phát hành cổ phiếu. Đến thời điểm 30/06/2011, Công ty chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức.

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.919.889	9.099.989
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.919.889	9.099.989
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.919.889</i>	<i>9.099.989</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>168</i>	<i>168</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.919.721	9.099.821
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.919.721</i>	<i>9.099.821</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.499.276.936	25.757.864.412
Quỹ dự phòng tài chính	12.003.232.375	8.842.290.692
	<u>42.502.509.311</u>	<u>34.600.155.104</u>

20 . NGUỒN KINH PHÍ

	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/06/2011</u>	<u>đến 30/06/2010</u>
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	180.000	180.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	432.760.000	450.000.000
Chi sự nghiệp	(365.987.706)	(295.208.648)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	<u>66.952.294</u>	<u>154.971.352</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	12.203.376.486	11.195.451.837
Doanh thu kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	4.311.203.921	-
Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	13.621.131.917	7.990.485
	30.135.712.324	11.203.442.322

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.218.861.527	-
	1.218.861.527	-

23 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	10.984.514.959	11.195.451.837
Doanh thu thuần kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	4.311.203.921	-
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	13.621.131.917	7.990.485
	28.916.850.797	11.203.442.322

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	4.060.232.992	5.863.438.979
Giá vốn kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	3.872.842.001	-
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn khác	13.644.642.955	-
	21.577.717.948	5.863.438.979

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác quản lý vốn, lãi chậm trả	1.567.642.387	8.155.078.382
	1.567.642.387	8.155.078.382

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	235.446.486	165.727.348
Chi phí nhân công	3.198.302.216	1.038.516.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.436.980	227.356.958
Thuế, phí, lệ phí	82.211.200	25.982.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	822.866.018	343.774.810
Chi phí khác bằng tiền	914.474.818	478.093.554
	5.622.737.718	2.279.451.612

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.715.811.324	7.360.388.872
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.750.000	-
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	2.750.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	2.718.561.324	7.360.388.872
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
	679.640.331	1.840.097.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	415.625.209	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.272.909.716	(2.273.708.772)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(1.371.206.157)
	2.368.175.256	(1.804.817.711)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.036.170.993	5.520.291.654
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.036.170.993	5.520.291.654
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.919.721	9.099.821
	186	607

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
		VND	VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	678.250.000	4.400.000.000
- Công ty CP Khoán sản Simco - Fansipan	Công ty liên kết	2.955.575.853	2.000.000.000
Doanh thu bán hàng			
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	17.800.000	-
- Công ty CP Sông Đà 5	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	-	1.066.036.913
Mua hàng, dịch vụ			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	-	516.660.500
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	1.528.694.545	-
Gốc và lãi cho vay, ủy thác quản lý vốn			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	63.492.336	6.621.778.847
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	177.278.315	985.009.365
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	93.754.100	15.328.600
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	10.813.872.470	-
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	-	9.916.667

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.995.934.222	1.976.354.222
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	Công ty liên kết	310.000.000	310.000.000
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	-	800.000.000
Phải thu tiền ứng trước cho người bán			
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	1.009.003.283	754.254.483
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	1.400.000.000	800.000.000
Phải trả tiền hàng			
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	1.240.941.910	1.145.500.701
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	-	45.000.000
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	1.111.710.100	1.111.711.100
Phải thu vốn và lãi cho vay, ủy thác quản lý			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	94.162.236	1.352.865.900
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	4.113.565.751	3.936.287.436
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	593.754.100	500.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	14.813.872.470	4.000.000.000
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tập đoàn Sông Đà	-	154.583.743

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán và soát xét.

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
 Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	16.635.510.494	2.792.647.799	3.082.884.683	1.095.448.315	-	23.606.491.291
Số tăng trong kỳ	-	413.888.909	-	33.091.818	-	446.980.727
- Mua sắm mới		413.888.909	-	33.091.818	-	446.980.727
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(119.823.671)	-	(119.823.671)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(119.823.671)	-	(119.823.671)
Số dư cuối kỳ	16.635.510.494	3.206.536.708	3.082.884.683	1.008.716.462	-	23.933.648.347
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	5.090.043.323	1.413.012.739	2.025.200.786	1.079.920.458	-	9.608.177.306
Số tăng trong kỳ	440.396.212	244.727.966	193.148.028	23.104.392	-	901.376.598
- Trích khấu hao	440.396.212	244.727.966	193.148.028	23.104.392	-	901.376.598
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(119.823.671)	-	(119.823.671)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(119.823.671)	-	(119.823.671)
Số dư cuối kỳ	5.530.439.535	1.657.740.705	2.218.348.814	983.201.179	-	10.389.730.233
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu kỳ	11.545.467.171	1.379.635.060	1.057.683.897	15.527.857	-	13.998.313.985
Cuối kỳ	11.105.070.959	1.548.796.003	864.535.869	25.515.283	-	13.543.918.114

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	109.198.890.000	(1.682.000)	432.368.648	25.757.864.412	8.842.290.692	42.287.936.600	186.517.668.352
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	2.036.170.993	2.036.170.993
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	4.741.412.524	3.160.941.683	(11.786.120.939)	(3.883.766.732)
Tăng khác ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	6.002.000	6.002.000
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá kỳ trước	-	-	(432.368.648)	-	-	-	(432.368.648)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	-	(415.625.207)	(415.625.207)
Số dư cuối kỳ này	109.198.890.000	(1.682.000)	-	30.499.276.936	12.003.232.375	32.128.363.447	183.828.080.758

(1) Lợi nhuận chưa phân phối tăng trong kỳ là số tiền Trung tâm lưu ký chứng khoán chuyển trả lại do Công ty chuyển trả cả tiền cổ tức của những cổ đông chưa lưu ký.

(2) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ do Công ty điều chỉnh giảm số thuế được ưu đãi của các năm trước theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tập đoàn Sông Đà	55.692.000.000	51,00%	55.692.000.000	51,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	53.506.890.000	49,00%	53.506.890.000	49,00%
	109.198.890.000	100,00%	109.198.890.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
 Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	Kinh doanh nhà và hạ tầng, xây lắp	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.984.514.959	13.621.131.917	4.311.203.921	-	28.916.850.797
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.924.281.967	(23.511.038)	438.361.920	-	7.339.132.849
Tài sản bộ phận	15.102.655.264	1.496.055.470	151.103.753.496	-	167.702.464.230
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	120.109.949.331
Tổng tài sản				-	287.812.413.561
Nợ phải trả của các bộ phận	31.880.600.524	1.378.808.251	11.037.196.284	-	44.296.605.059
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	59.388.469.772
Tổng nợ phải trả				-	103.685.074.831

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.